

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 481/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 97, tổ 3, ấp M, xã K, huyện P, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* Anh Cao Phú T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 509, ấp C, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Th có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày: Năm 2018, chị Trần Thị Thu Th và anh Cao Phú T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

số 59/2018, ngày 02/4/2018. Sau lễ cưới, chị Th và anh T cùng sống ở Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian này chị Th sinh con nên về nhà cha mẹ ruột của anh T (thị xã Tân Châu) sinh sống, anh T cho rằng sinh con không hợp tuổi nên làm ăn không được, sinh con ra không giống anh T nên giữa chị Th và anh T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Lúc này, chị Th bị bệnh trầm cảm nên chị Th về sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị Th (ấp Khánh Mỹ, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang). Từ đó, anh T đi Bình Dương sống, chị Th và anh T sống xa nhau cho đến nay, anh T không quan tâm, không điện thoại thăm hỏi vợ con. Chị Th đã khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Sau đó, Tòa án hòa giải, chị Th cho anh T cơ hội nhưng không thay đổi, mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài và sống xa nhau từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại tình cảm của chị Th đối với anh T đã hết, chị Th yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh Cao Phú T có 01 con chung tên: Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 741/TB-TLVA ngày 26/12/2019 cho anh Cao Phú T thông qua người thân là ông Cao Hồng Thới (cha ruột anh T) nhận thay và ông Thới xác nhận có thông tin cho anh T biết về việc chị Trần Thị Thu Th khởi kiện ly hôn với anh Cao Phú T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 28/5/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 360/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Cao Phú T được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Cao Hồng Thới cha ruột anh T) nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của anh T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Chị Th khai, thu nhập của chị Th khoảng 7.000.000 đồng/tháng, đủ nuôi con chung.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Cao Phú T tại Công An xã Châu Phong, thị xã Tân Châu; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của anh T và chị Th tại Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của ông Cao Hồng Thới (cha ruột T); Biên bản xác minh Ban ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.

Công an xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cho biết: Anh Cao Phú T, sinh năm 1990, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hiện nay anh Cao Phú T không có mặt tại địa phương, anh T đi đâu, làm gì địa phương không rõ.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong và Ban ấp Châu Giang cung cấp: Anh Cao Phú T, sinh năm 1990 có vợ là chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1996. Chị Th và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong. Sau khi kết hôn, chị Th và anh T đi làm thuê ở Bình Dương. Do thời gian chị Th và anh T sinh sống không thường xuyên tại địa phương nên Hội Liên hiệp Phụ nữ không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th và anh T như thế nào. Trong thời gian chung sống, anh T và chị Th có 01 con chung tên: Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018. Cháu An hiện nay do chị Th trực tiếp nuôi dạy. Chị Th hiện sống chung với cha mẹ ruột của chị Th. Anh T không còn ở địa phương.

Ông Cao Hồng Thới (cha ruột anh Cao Phú T) cung cấp: Th và T tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2018 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong. Sau khi kết hôn, Th và T đi làm ở Bình Dương. Đến tháng 5/2019, Th và T về sinh sống tại ấp Châu Giang, xã Châu Phong. Khoảng tháng 10/2019, Th về nhà cha mẹ ruột và sống xa nhau với T cho đến nay. Hiện nay, T và Th không còn sống chung do Th và T còn quá trẻ, suy nghĩ chưa đúng đắn, mâu thuẫn và không hợp nhau về tính cách sinh hoạt và cách nuôi dạy con. Th và T sống xa nhau vào khoảng tháng 10/2019 cho đến nay.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Năm 2018, chị Th và anh Cao Phú T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị Th đã khởi kiện ly hôn với anh T 01 lần tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng rút đơn khởi kiện hàn gắn tình cảm. Đến tháng 12/2019, chị Th tiếp tục khởi kiện xin ly hôn anh T, nguyên nhân do anh T và chị Th bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, chị Th và anh T sống xa nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Tình cảm của

chị Thu Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị Th yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ.

Về con chung: Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu Th được ly hôn anh Cao Phú T.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu Th được nuôi dạy cháu Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018. Anh Cao Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Cao Phú T. Anh T có nơi cư trú: Số nhà 509, ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Cao Phú T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2018, chị Trần Thị Thu Th và anh Cao Phú T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59/2018, ngày 02/4/2018, nên hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Th khai, đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và sống xa nhau. Chị Th đã khởi kiện ly hôn với anh T 01 lần tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Sau đó, anh T không thay đổi, mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Cao Phú T.

Biên bản xác minh ông Cao Hồng Thới (cha ruột T) khai: Sau khi kết hôn, Th và T đi làm ở Bình Dương. Tháng 5/2019, Th và T về sống chung tại nhà ông Thới thuộc ấp Châu Giang. Khoảng tháng 10/2019, Th về nhà cha mẹ ruột và sống xa nhau với T cho đến nay.

Biên bản xác minh Ban ấp Châu Giang: Đầu năm 2019, T và Th có về nhà cha mẹ ruột của T thuộc ấp Châu Giang sinh sống, thời gian này chị Th cũng sinh con chung với T thì được thời gian ngắn T và Th phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. T không quan tâm đến Th. Th về nhà cha mẹ ruột ở xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú sinh sống cho đến nay. Th và T không liên lạc cũng không hàn gắn được tình cảm từ lâu.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, sống xa nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Th cũng một lần khởi kiện xin ly hôn để T thay đổi và hàn gắn tình cảm nhưng không được. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh T và chị Th hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị Th. Xét, cho chị Th ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Th và anh T có 01 (một) con chung tên Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018.

Chị Th yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo biên bản xác minh ông Cao Hồng Thới: Th nuôi cháu An từ khi sinh ra cho đến nay. T không nuôi dạy cháu An.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Châu Phong và Ban ấp Châu Giang: Cháu Cao Phú A hiện nay do chị Th trực tiếp nuôi dạy. Chị Th hiện sống chung với cha mẹ ruột của chị Th. Anh T không còn ở địa phương.

Chị Th yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu Th.

Chị Trần Thị Thu Th được ly hôn với anh Cao Phú T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2018, ngày 02/4/2018, do Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Thu Th và anh Cao Phú T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu Th được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Cao Phú A, sinh ngày 10/9/2018. Anh Cao Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Thu Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Cao Phú T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0002268 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị Thu Th đã nộp đủ án phí.

Anh Cao Phú T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị Thu Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Cao Phú T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết